

Bản án số: 39/2019/HS-ST
Ngày 20-5-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thiêm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Biên

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Phương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Văn - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 43/2019/TLST-HS ngày 19 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 264/2019/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo:

Vũ Hoài N, sinh ngày 15 tháng 6 năm 1957 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn 2, xã KQ, huyện KT, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 09/10; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Vũ Hữu C và bà Nguyễn Thị N (đều đã chết); có vợ là Đỗ Thúy M và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ từ ngày 14/12/2018 đến ngày 18/12/2018 thay đổi biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh; có mặt.

Bị hại:

Ông Trịnh Thạch C1, sinh năm 1939; trú tại: Số 47 PL, phường VM, quận NQ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Ông Nguyễn Danh L, sinh năm 1960; trú tại: Số 3 đường vòng VM, quận NQ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt

Người có nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Chị Đỗ Thúy M, sinh năm 1960; trú tại: Số 9/258 XM, ĐN, quận NQ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 07 tháng 11 năm 1995, Vũ Hoài N cùng vợ là Đỗ Thúy M, vay 5.000.000 đồng của ông Trịnh Thạch C1, với lãi suất 5%/tháng có viết giấy biên nhận do N và M cùng ký tên. Khoảng tháng 8 năm 1995, Vũ Hoài N cùng Đỗ Thúy M vay 30.000.000 đồng của ông Nguyễn Danh L, với lãi suất 1,5%/tháng có viết giấy cam đoan do Vũ Hoài N ký tên vay. Trong quá trình vay tiền của ông L vợ chồng N đã trả được 4.000.000 đồng tiền gốc, còn nợ lại số tiền 26.000.000 đồng. Sau khi vay được tiền, vợ chồng N sử dụng để kinh doanh buôn bán nhưng bị thua lỗ dẫn tới không có khả năng trả nợ nên đã cùng nhau bỏ trốn vào tháng 12 năm 1995. Quá trình bỏ trốn, N và M thường xuyên di chuyển không ở vị trí cố định.

Ông Nguyễn Danh L và ông Trịnh Thạch C1 đã tìm vợ chồng N nhiều lần để đòi nợ nhưng do N và M bỏ trốn khỏi địa phương nên không đòi được tiền. Ngày 19/7/1997 và 24/4/1998, ông L và ông C1 đã gửi đơn tới Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng tố giác việc vợ chồng N vay tiền rồi bỏ trốn. Ngày 06/5/1998, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng đã ra quyết định khởi tố bị can đối với Vũ Hoài N và Đỗ Thúy M về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của công dân” quy định tại Điều 158 Bộ luật Hình sự năm 1985. Ngày 14/7/1998, Cơ quan điều tra ra Lệnh truy nã đối với N và M.

Ngày 05/7/1999, Đỗ Thúy M bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng bắt truy nã. Quá trình điều tra xác định, ngoài số tiền cùng với chồng vay của ông L và ông C1, năm 1995 M còn trực tiếp vay tiền của một số cá nhân khác sau đó không trả tiền, rồi bỏ trốn. Ngày 29/3/2000, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã xét xử Đỗ Thúy M 03 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân” và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của công dân”.

Ngày 14/12/2018, Vũ Hoài N bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng bắt truy nã.

Tại bản Cáo trạng số 45/CT-VKSHP-P3 ngày 16 tháng 4 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo Vũ Hoài N về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản công dân” (nay là tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”) theo khoản 1 Điều 158 Bộ luật Hình sự 1985.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình cơ bản như bản Cáo trạng đã nêu. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản Cáo trạng; đồng thời phân tích hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 158 Bộ luật Hình sự 1985; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015; xử phạt: Vũ Hoài N: Từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Bị cáo không tranh luận với Kiểm sát viên và nói lời sau cùng xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Phòng, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về tội danh:

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Vũ Hoài N khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của các bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

[3] Ngày 07/11/1995, Vũ Hoài N cùng vợ là Đỗ Thúy M có vay của ông Trịnh Thạch C1 số tiền 5.000.000 đồng. Đồng thời khoảng tháng 8/1995, Vũ Hoài N cùng Đỗ Thúy M có vay của ông Nguyễn Danh L số tiền 30.000.000 đồng, hai vợ chồng N đã trả được 4.000.000, còn nợ số tiền 26.000.000 đồng. Việc vay nợ đều được vợ chồng N ký và viết giấy biên nhận, cam đoan. Do việc buôn bán bị thua lỗ, N và M không đủ khả năng trả nợ ông C1 và ông L nên đã có hành vi bỏ trốn để không phải thực hiện việc trả nợ. Do đó, hành vi của Vũ Hoài N đã phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của công dân” theo Điều 158 Bộ luật Hình sự 1985 như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Tính chất vụ án tuy ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác nên cần phải xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

- Về tình tiết định khung hình phạt:

[5] Tổng số tiền bị cáo N và vợ chiếm đoạt của những người bị hại là 31.000.000 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo xảy ra từ năm 1995, thời điểm Bộ

luật Hình sự 1985 có hiệu lực pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo N vi phạm khoản 1 Điều 158 Bộ luật Hình sự 1985 có khung hình phạt cải tạo không giam giữ đến một năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm nhẹ hơn so với khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự 2015 (có khung hình phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 3 năm). Do đó, theo nguyên tắc có lợi, bị cáo N bị xét xử theo khoản 1 Điều 158 Bộ luật Hình sự 1985.

- Về vai trò và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[6] Bị cáo N và vợ là Đỗ Thúy M đồng phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, trong đó, bị cáo N và vợ có vai trò ngang nhau đều cùng tham gia vay tiền ông C1, ông L và bỏ trốn. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 122/HSST ngày 29/3/2000, bị cáo Đỗ Thúy M đã bị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 3 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo Bản án, ngoài 2 người bị hại là ông C1 và ông L bị cáo M còn lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của nhiều người khác. Do đó, khi xét xử bị cáo Vũ Hoài N, mức hình phạt của bị cáo N phải thấp hơn bị cáo Đỗ Thúy M.

[7] Bị cáo N có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; sau khi bị bắt, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo và vợ đã bồi thường, tự nguyện khắc phục hậu quả cho bị hại C1 số tiền chiếm đoạt và đều được các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Tại Bản kết luận giám định pháp y về tình trạng bệnh lý, bị cáo N có tiền sử bệnh nhồi máu cơ tim là bệnh hiểm nghèo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Bộ luật Hình sự 2015. Do bị cáo N đã bỏ trốn và bị Cơ quan điều tra ra lệnh truy nã nên cần phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung, tuy nhiên; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; hiện bị cáo đang bị bệnh hiểm nghèo nên Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

- Về bồi thường dân sự::

[8] Bị cáo Vũ Hoài N và vợ là Đỗ Thúy M đã cùng chiếm đoạt tiền của bị hại là ông L và ông C1 nên các bị cáo phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho các bị hại số tiền đã chiếm đoạt. Tại Bản án số 122/HSST ngày 29/3/2000, do chưa xét xử được bị cáo N nên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã tuyên buộc bị cáo Đỗ Thúy M phải có trách nhiệm bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho bị hại Nguyễn Danh L và Trịnh Thạch C1, tuy nhiên, bị cáo M chưa thực hiện việc bồi thường theo quyết định của Tòa án.

[9] Sau khi bị Cơ quan điều tra bắt giữ, bị cáo Vũ Hoài N đã cùng vợ là Đỗ Thúy M trả cho bị hại Trịnh Thạch C1 5.000.000 đồng, trả cho bị hại Nguyễn Danh L 10.000.000 đồng nhưng ông L từ chối không nhận và các bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các bên nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về án phí và quyền kháng cáo:

[10] Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo, các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 158 Bộ luật Hình sự 1985; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015; xử phạt: Vũ Hoài N.: 06 (Sáu) tháng tù về tội “**Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của công dân**” (nay là tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”). Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, trừ cho bị cáo các ngày đã bị tạm giữ (từ ngày 14/12/2018 đến 18/12/2018).

Tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh. Thời hạn Bảo lãnh đối với bị cáo không quá thời hạn kể từ khi tuyên án cho đến thời điểm bị cáo đi chấp hành án phạt tù.

2. **Về án phí:** Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. **Về quyền kháng cáo:** Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TANDCC; VKSNDCC;
- Vụ 1 – TANDTC;
- VKSND TP Hải Phòng;
- PV27 Công an TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TPHP;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thiệm